

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 08- 01- 2020

NHÂN DC

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Gia Đình;

- Ông Bùi Thanh B.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn A, sinh ngày 06/8/1991, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường K, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Phùng Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Tại quyết định số 86/QĐ – UBND ngày 14/5/2019 của Chủ tịch UBND phường K áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Trần Văn A thời hạn 03 tháng kể từ ngày 14/5/2019. Ngày 10/7/2019 Chủ tịch UBND phường K đã ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do A có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Tại bản án số 57/2010/HSST ngày 30/6/2010, Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Trần Văn A 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 10 tháng về tội Đánh bạc. Tháng 9/2010 A đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 03 tháng 12 năm 2019 được tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Xuân Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Anh Khổng Đình M, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn P 3, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố M, phường K, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/5/2019, Trần Văn A nhận được điện thoại của Nguyễn Mạnh H rủ lên khu vực bảo tàng thành phố K để uống nước, A đi taxi đến uống nước cùng H. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày A gọi điện thoại cho C Hoàng Văn Đ đến khu vực bảo tàng để uống nước cùng A và H. Anh Đ đồng ý và điều khiển xe máy, BKS: 88K1 – 185.45 chở B (không biết họ, tuổi, địa chỉ là bạn ở cùng khu trọ) ra khu vực Bảo tàng thành phố K uống nước với A và H. Cả nhóm ngồi uống nước nói chuyện được 10 phút thì A nhờ Đ điều khiển xe máy chở A và H đến khách sạn Hà Nội thuộc phường Tích Sơn, thành phố K (do H đã thuê phòng từ trước đó), Anh Đ đưa xe máy cho A chở Đ, H, B về khách sạn Hà Nội. Do lúc này đang thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Đ để cầm cố lấy tiền, A nói với anh Đ là cho A mượn xe máy để đi mua đồ ăn đêm và bảo anh Đ lên phòng của H ngồi chờ (thực chất A mượn xe máy của anh Đ để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài), anh Đ đồng ý giao xe máy cho A. Lúc này, H đi ra thấy anh Đ giao xe máy cho A nhưng không biết mục đích đưa xe máy cho A để làm gì. Sau khi nhận được xe máy từ anh Đ, A có rủ anh H đi cùng A có tí việc rồi A điều khiển xe máy chở H ngồi phía sau, trên đường đi A gọi điện thoại cho Nguyễn Thế C tên thường gọi là “Ếch” (là bạn bè quen biết ngoài xã hội) chỉ dẫn đường cho A đi lên thành phố P để cầm cố xe máy. Khi A đi qua khu đô thị H Vương, phường H Vương, thành phố P thì Thế C chỉ dẫn cho A đi vào nhà của anh Vũ Xuân Đ (Thế C đang làm thuê cho anh Đ). Tại đây, A đặt vấn đề vay tiền nhưng anh Đ bảo phải có tài sản để làm tin nên A cầm cố xe máy, BKS: 88K1 – 185.45 cho anh Đ, anh Đ kiểm tra xe máy và đồng ý nhận cầm cố xe máy với giá 2.500.000đ. Khi cầm cố xe máy, A nói với anh Đ và Thế C là xe máy của A, còn giấy tờ xe đang bị Công an thu giữ. Hai bên không viết giấy tờ cầm cố, không thỏa thuận lãi suất, chỉ thỏa thuận bằng miệng là 10 ngày sẽ đến lấy xe máy và trả tiền. Do trước đó, A có vay của anh Thế C 500.000đ nên Thế C bảo A là tổng số tiền A cầm cố xe máy để vay tiền của anh Đ là 2.500.000đ nhưng Thế C chỉ đưa lại cho A 2.000.000đ (trừ 500.000đ A đã vay của Thế C), khi nào A đến lấy xe máy thì A phải trả đủ cho anh Đ 2.500.000đ, Thế C đưa tiền cho A, A bàn giao xe máy cho anh Đ. Số tiền cầm cố xe máy, A đã tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng chuộc lại xe máy để trả cho anh Đ. Do không thấy A đem xe máy về trả nên anh Đ đã nhiều lần gọi điện thoại cho A nhưng không liên lạc được.

Ngày 09/5/2019, anh Đ có đơn trình báo tới Công an phường Tích Sơn, thành phố K về việc C bị Trần Văn A lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, BKS: 88K1 – 185.45. Trị giá thiệt hại về tài sản là 7.000.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 112/KL - HĐĐG ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K kết luận: *“01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM (POWER), BKS: 88K1 – 185.45, màu sơn xC đen. Xe đã cũ, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 11/11/2014. Định giá qua hồ sơ, có trị giá là: 5.000.000đ*

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 05/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Trần Văn A về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Bị hại anh Hoàng Văn Đ tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra anh Đ khai nhận. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 22/5/2019 anh đi làm về thì A gọi điện cho anh bảo anh đi đón A ở khu vực Đồi Cao thành phố K. Anh mượn xe máy của anh M là người làm cùng công ty đi đến khu vực Đồi Cao gặp A, khi đi anh chở B là bạn làm cùng công ty đi cùng. Sau khi gặp A và uống nước xong thì A nhờ anh chở A và bạn về khách sạn Hà Nội. Khi về đến khách sạn A hỏi mượn xe của anh để đi mua đồ ăn đêm, anh đã giao chiếc xe máy cho A mượn, sau đó anh liên lạc với A nhiều lần để yêu cầu trả xe nhưng không liên lạc được nên anh đã trình báo Công an thành phố K sự việc trên (bút lục 80 - 92).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Xuân Đ tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra anh Đ khai nhận. Khoảng 23 giờ ngày 08/5/2019, Nguyễn Thế C là người làm thuê cho gia đình anh có hỏi vay của anh 2.000.000đ để cho bạn mượn, anh có bảo Thế C là bảo bạn đến gặp anh. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày có hai thanh niên đến nhà anh, một người tên A và một người tên H. A hỏi vay anh 2.000.000đ, thời gian vay là 10 ngày sẽ trả và A để lại xe máy BKS: 88K1 – 185.45. anh đã đưa cho anh Thế C 2.000.000đ để đưa cho A, A giao chiếc xe máy cho anh. Khi cho A vay tiền anh không biết nguồn gốc chiếc xe máy A cầm cố cho anh là do phạm tội mà có (bút lục 115 – 120).

Anh Không Đình M tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra anh M khai nhận khoảng đầu năm 2016 anh có mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM (PoWer) BKS 88K1- 185.45 khi mua xe anh đã trả tiền cho người bán xe và được giao đầy đủ giấy tờ, hai bên có viết giấy tờ với nhau nhưng do thời gian đã lâu nên anh đã làm mất giấy tờ mua bán này. Ngày 09/11/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã trả lại cho anh chiếc xe máy trên. Sau khi nhận lại xe máy anh M không có yêu cầu gì (bút lục 93 – 100).

Ngày 02/01/2020 ông Trần Văn N (bố bị cáo A) đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh Vũ Xuân Đ.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Trần Văn A giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn A phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/10/2019 – 03/12/2019); áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Điều 584; 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; xác nhận cơ quan điều tra đã trả cho anh Khổng Đình M 01 chiếc xe máy BKS 88K1-185.45; buộc bị cáo Trần Văn A phải bồi thường cho anh Vũ Xuân Đ số tiền 2.000.000đ. Xác nhận gia đình bị cáo A đã tự nguyện nộp 2.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K để bồi thường cho anh Đ

Bị cáo Trần Văn A không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trC tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo A tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 08/5/2019, tại khách sạn Hà Nội thuộc tổ dân phố Gạch, phường Tích Sơn, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc, do không có tiền tiêu sài cá nhân nên Trần Văn A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh Hoàng Văn Đ, A dùng thủ đoạn gian dối là mượn xe máy nhãn hiệu SYM, BKS: 88K1 – 185.45 của anh Đ để đi mua đồ ăn đêm nhưng lại đem đi cầm cố cho anh Vũ Xuân Đ lấy số tiền 2.000.000đ. Trị giá tài sản do A chiếm đoạt được là 5.000.000đ. Xe máy nhãn hiệu SYM, BKS: 88K1 – 185.45 đã thu giữ và trả lại cho anh Khổng Đình M (là chủ sở hữu hợp pháp), số tiền cầm cố xe máy A đã tiêu xài hết, anh Vũ Xuân Đ yêu cầu bị cáo A phải bồi thường cho anh số tiền 2.000.000đ.

Hành vi của bị cáo A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất B trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Bị cáo A không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ có công với cách mạng, bố bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh Vũ Xuân Đ nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Song căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án:

Đối với anh Vũ Xuân Đ và anh Nguyễn Thế C là những người đã nhận cầm cố xe máy, BKS: 88K1 – 185.45 của A do chiếm đoạt được của anh Hoàng Văn Đ mà có. Quá trình điều tra xác định, khi cầm cố xe máy trên, anh Đ và anh Thế C được A cho biết nguồn gốc xe máy là tài sản hợp pháp của A. Đồng thời, anh Đ và Thế C cũng không biết gì về hành vi phạm tội của A. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K không đề cập xử lý (BL 115 - 126).

Đối với Nguyễn Mạnh H là người đi cùng A, quá trình điều tra xác định: H không được A bàn bạc trao đổi gì về việc gọi anh Đ đến sau đó chiếm đoạt xe máy của anh Đ. Khi A mượn xe máy của anh Đ thì H đang ở trên phòng nghỉ của khách sạn Hà Nội nên không được chứng kiến việc mượn xe giữa anh Đ với

A. Khi A rủ anh H đi thành phố P thì H không biết mục đích của A là đi cầm cố xe máy. Khi thấy A cầm cố xe máy cho anh Đ thì H nghĩ A được anh Đ nhờ đi cầm cố xe. H không được A trao đổi, bàn bạc, nói chuyện về việc mượn xe máy của anh Đ để cầm cố lấy tiền tiêu xài, H cũng không được A hứa hẹn, ăn chia, hưởng lợi gì từ việc cầm cố xe máy và không biết gì về hành vi phạm tội của A. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K không đề cập xử lý.

Đối với người nam giới tên B đi cùng anh Đ, quá trình điều tra xác định là bạn làm cùng công ty với anh Đ nhưng làm được 10 ngày thì anh B xin nghỉ việc, anh Đ chỉ biết họ tên đầy đủ của B là Cao Đức B, sinh năm 2000 còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì không biết, anh B đi cùng anh Đ lên thành phố K uống nước với A và H nhưng không biết và không tham gia gì vào việc A chiếm đoạt xe máy của anh Đ. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với số tiền 2.000.000đ, A cầm cố xe máy chiếm đoạt của anh Đ cho anh Đ mà có, quá trình điều tra A khai nhận đã tiêu sài cá nhân hết, do vậy cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với xe máy nhãn hiệu SYM, BKS: 88K1 – 185.45, quá trình điều tra xác định, chiếc xe trên đứng tên đăng ký sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn T ở thôn N 2, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2015, anh T đã bán xe máy trên cho anh Khổng Đình M ở thôn P 3, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tối ngày 08/5/2019 anh Đ mượn xe máy của anh M để đi uống nước với A thì bị A chiếm đoạt. Do vậy, ngày 08/11/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã trả lại cho anh M chiếc xe máy trên. Sau khi nhận lại tài sản anh M không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Xuân Đ yêu cầu bị cáo A phải bồi thường cho C số tiền 2.000.000đ. Xác nhận gia đình bị cáo A đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K để bồi thường cho anh Vũ Xuân Đ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Văn A 06 (sáu) tháng tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/10/2019 – 03/12/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị cáo Trần Văn A phải bồi thường cho anh Vũ Xuân Đ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Xác nhận gia đình bị cáo A đã nộp số tiền 2.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K để bồi thường cho anh Vũ Xuân Đ.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố K;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án K;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

